



Biểu số II.1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	17.963.772	22.835.083	127	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI	7.596.887	9.609.589	126	
1	Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí	2.232.900	3.359.589	150	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.140.000	6.000.000	117	
-	Cấp tỉnh quản lý	3.040.000	3.200.000	105	
+	Nguồn thu đấu giá QSD đất ở tại thành phố Đông Hà	2.050.000	2.200.000	107	
+	Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng	880.000	1.000.000	114	
+	Nguồn thu đấu giá QSD đất ở tại KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo	110.000	0	0	
-	Cấp huyện quản lý	2.100.000	2.800.000	133	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	223.987	250.000	112	
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	8.467.744	11.381.026	134	
1	Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước)	6.338.168	9.641.734	152	Bằng 173% kế hoạch trung hạn TTgCP giao đầu kỳ
2	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	2.129.576	1.739.292	82	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	1.535.141	1.844.468	120	Vốn ĐTPT NSTW
1	Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	740.078	890.000	120	
2	Chương trình giảm nghèo bền vững	362.173	435.000	120	
3	Chương trình nông thôn mới	432.890	519.468	120	
D	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	364.000			

Biểu số II.2
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSTW
TỔNG SỐ					9.641.734		
1	Quốc phòng						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Xây dựng Trụ sở Ban CHQS và nhà trực của dân quân thường trực các xã biên giới, ven biển	HH, ĐK, VL, GL, TP, HL		90.000	90.000	90.000	Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của TTgCP phê duyệt Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ huy quân sự và lực lượng dân quân cấp xã biên giới, ven biển, đảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới
-	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông biên giới	Hướng Hóa, Đakrông		160.000	160.000	160.000	Tà Mên đi Pa Lin; Lao Bảo đi Hướng Phùng; TKS A Dơi đi TKS Pa Roi; Ba Tầng đi Sa Trầm; Sa Trầm đi Ba Lin; Ba Lin đi A Vao
2	An ninh và trật tự an toàn xã hội						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các cơ sở làm việc công an xã, doanh trại đội Cảnh sát PCCC, trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh	Toàn tỉnh		250.000	250.000	250.000	Thực hiện Thông báo số 76-TB/TU ngày 15/5/2021 Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với BTV Đảng ủy Công an tỉnh; Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở của lực lượng cảnh sát PCCC và CHCN tỉnh
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSTW
-	Đầu tư cơ sở vật chất trường học vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; xóa phòng học tạm, phòng học mượn và xây dựng nhà công vụ giáo viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		250.000	250.000	250.000	- Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 34/2018/NQ-HĐND, 19/NQ-HĐND, 168/NQ-HĐND và 39/2019/NQ-HĐND - Lồng ghép từ nguồn vốn phân cấp cho lĩnh vực GDĐT cấp huyện quản lý và các Chương trình MTQG khoảng 32 tỷ đồng
4	Y tế, dân số và gia đình						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các đơn vị y tế tuyến tỉnh và tuyến cơ sở	Toàn tỉnh		570.000	570.000	570.000	
5	Văn hóa, thông tin						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Đầu tư xây dựng, bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng và Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh	VL, GL, HH, Đkr, CL, TP		210.000	210.000	210.000	Biểu tượng Khát vọng Hòa bình, các hạng mục phụ trợ tại Công viên Thống Nhất và các di tích thanh phần thuộc khu di tích quốc gia đặc biệt đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải; Địa đạo Vịnh Mốc và Hệ thống làng hầm Vĩnh Linh; Sân bay Tà Cơn; Nhà đày Lao Bảo; Hệ thống Giếng cổ Gio An; Khu di tích trụ sở Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; Mộ Tiền sĩ Bùi Dục Tài; Dinh chúa Nguyễn Hoàng; Nhà trưng bày thành Tân Sở và Phong trào Cần Vương
6	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>						
-	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Đông Hà	20/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000	11.250	
7	Bảo vệ môi trường						
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>						
-	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	ĐH; TP; VL, HH	1472/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	45.000	45.000	7.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSTW
8	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện tràn Nam Thạch Hãn, thiết bị thủy công đầu mối hồ, đập và một số vị trí xung yếu các tuyến đê, kênh tiêu thoát lũ vùng trũng Hải Lăng	Toàn tỉnh		160.000	160.000	160.000	
-	Hạ tầng phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung và Hạ tầng khu chế biến thủy sản tập trung; nâng cấp hoàn thiện cơ sở hạ tầng cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão (Nam Cửa Việt, Bắc Cửa Việt)	Toàn tỉnh		300.000	300.000	300.000	
-	Đầu tư phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ; nâng cao năng lực Phòng chống chữa cháy rừng; cơ sở hạ tầng phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (vùng sản xuất lúa hữu cơ tập trung, dược liệu và cây ăn quả)	Toàn tỉnh		180.000	180.000	180.000	
-	Kè chống xói lở, bảo vệ đảo Cồn Cỏ	Cồn Cỏ		160.000	160.000	160.000	
9	Giao thông						
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>						
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	Đông Hà	2956/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	175.000	50.000	15.466	
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh Quảng Trị	Hướng Hoá, Đakrông	4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 777/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	921.698	225.400	47.400	
-	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.588.000	1.769.612	115.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua khu vực cầu Cửa Việt (cầu Cửa Việt và đường hai đầu cầu) và đoạn từ Đường Dương Khê đến ranh giới tỉnh Thừa Thiên Huế	Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng		830.000	830.000	830.000	
	Tuyến đường kết nối Cảng hàng không Quảng Trị với QL9D tại xã Gio Hải và kết nối với QL1 tại xã Thanh An; Nâng cấp tuyến ĐT.585C, ĐT576C	Gio Linh, Cam Lộ		300.000	300.000	300.000	
-	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đi xã Gio Châu và công viên hồ trung tâm thị trấn Gio Linh	Gio Linh		170.000	150.000	150.000	
						+ Ngân sách huyện	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSTW
-	Đường nối từ trung tâm huyện đến đường ven biển các xã vùng Đông, huyện Vĩnh Linh (giai đoạn 2)	Vĩnh Linh		482.000	150.000	150.000	+ Ngân sách huyện
-	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh và một số tuyến đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá		220.000	150.000	150.000	+ Ngân sách huyện
-	Đường dân sinh, cứu hộ, cứu nạn Thị trấn Diên Sanh - Hải Phong, huyện Hải Lăng	Hải Lăng		300.000	150.000	150.000	TB số 246/TB-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh + Ngân sách huyện
-	Đường giao thông kết nối các vùng kinh tế trọng điểm huyện Cam Lộ với huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Cam Lộ		230.000	150.000	150.000	TB số 240/TB-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh + Ngân sách huyện
-	Đường nối trung tâm thị xã với trung tâm xã Hải Lệ (Nối đường Trần Hưng Đạo)	Quảng Trị		250.000	150.000	150.000	+ Ngân sách thị xã
-	Đường từ Quốc lộ 49C đi khu kinh tế Đông Nam	Triệu Phong		180.000	150.000	150.000	+ Ngân sách huyện
-	Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông huyện Đakrông	Đakrông		200.000	150.000	150.000	+ Ngân sách huyện
-	Đường động lực phía Đông thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Trần Thánh Tông đến đường Nguyễn Hoàng)	Đông Hà		300.000	270.000	270.000	+ Ngân sách thành phố
-	Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 15D			3.995.000	1.700.000	1.700.000	Dự án PPP
-	Dự án đường bộ cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị			9.766.000	676.000	160.000	Dự án PPP
10	Khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp						
-	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	3080/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	268.868	268.868	138.868	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và bãi chờ nhập, nhờ xuất tại cửa khẩu quốc tế La Lay và Lao Bảo	Đakrông, Hướng Hóa		160.000	160.000	160.000	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 2) và Khu tái định cư cho dự án KCN Đa Ngành Triệu Phú các dự án khác tại KKT Đông Nam Quảng Trị thuộc địa bàn huyện Triệu Phong	Triệu Phong, Hải Lăng		280.000	280.000	280.000	
-	Mở rộng, nâng cấp đường tỉnh 582B (đoạn trong KKT Đông Nam Quảng Trị) và Đường trục chính khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 1)	Triệu Phong, Hải Lăng		540.000	540.000	540.000	
11	Cấp nước, thoát nước						
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú		
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số			Trong đó: NSTW	
-	Hệ thống cấp nước sạch vùng nông thôn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh			600.000	600.000	600.000	Khu vực phía Bắc huyện Hướng Hóa (Xã Hướng Phùng, Hướng Tân, Hướng Sơn); Nam huyện Đakrông (Xã Tà Long, Húc Nghi, Tà Rụt, A Ngo và A Bung) và các xã vùng Nam Hải Lăng, Đông Triệu Phong, Tây Gio Linh, Bắc Vĩnh Linh)
12	Du lịch							
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>							
-	Cơ sở hạ tầng các Khu dịch vụ - du lịch biển	Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Cồn Cỏ			100.000	100.000	100.000	Bãi tắm Hải Khê, huyện Hải Lăng; Bãi tắm Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh; Bãi tắm Nhật Tân, huyện Triệu Phong; Bãi tắm Bến Tranh, huyện đảo Cồn Cỏ
13	Công nghệ thông tin							
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>							
-	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Toàn tỉnh	3058/QĐ-UBND ngày 30/11/2022		45.000	45.000	11.250	
14	Quản lý nhà nước							
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>							
-	Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị và các cơ quan, giai đoạn 1	Đông Hà	127/NQ-HĐND ngày 19/12/2023		335.000	335.000	185.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>							
-	Trường Chính trị Lê Duẩn	Đông Hà			150.000	150.000	150.000	Quyết định số 1362-QĐ/TU ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển tổng thể Trường Chính trị Lê Duẩn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
-	Đầu tư xây dựng các cơ quan hành chính cấp tỉnh	Đông Hà			490.000	490.000	490.000	Trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan - giai đoạn 2; Khu hành chính tập trung tỉnh - giai đoạn 1 theo Thông báo số 57-TB/TU ngày 05/3/2021 của Tỉnh ủy



Biểu số II.3

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSCD giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NSĐP		
TỔNG SỐ							
			6.115.420	3.904.342	3.359.589		
1	Quốc phòng						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Đường hầm Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trong căn cứ chiến đấu 2 (CH5-03)	Hương Hóa		40.000	40.000	40.000	
-	Chốt chiến đấu dân quân thường trực TT Lao Bảo và xã Hương Phùng, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị	Hương Hóa		28.000	28.000	28.000	
-	Xây dựng nhà ở 06 Tổ công tác địa bàn vùng đặc biệt khó khăn tại các Đồn Biên phòng (Vĩnh Thái/Đồn BP Cửa Tùng; Hải Khê/Đồn BP Hải An; Tân Long/Đồn BP Thuận; Xã Đưng/Đồn BP Hương Lập; Tổ địa bàn Đồn BP Ba Tầng; Tổ địa bàn Đồn BP Thanh)	VL, HL, HH, ĐK		12.000	12.000	12.000	
-	Xây dựng điểm cơ sở A11 theo đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam	Cồn Cỏ		120.000	30.000	30.000	
-	Doanh trại Hải đội Dân quân thường trực và Bến cập tàu của Hải đội (Giai đoạn 2)	Triệu Phong		35.000	35.000	35.000	
2	An ninh và trật tự an toàn xã hội						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Công an các phường và các phòng chức năng của Công an tỉnh	ĐH, QT		50.000	50.000	50.000	
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Đầu tư cơ sở vật chất các trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh		150.000	150.000	150.000	
-	Đầu tư cơ sở vật chất các trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh		210.000	210.000	150.000	
	Đầu tư cơ sở vật chất trường THSC, tiểu học và mầm non cấp huyện	09 huyện, Tp, Tx		300.000	245.000	200.000	
4	Khoa học công nghệ						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Xây dựng Trạm sản xuất thực nghiệm giống nuôi cấy mô công nghệ cao và chế phẩm sinh học	Cam Lộ, Đông Hà		30.000	30.000	30.000	
-	Xây dựng nhà lắp đặt thiết bị Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Đông Hà		45.000	45.000	45.000	
5	Y tế, dân số và gia đình						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSCĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSĐP
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030						
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	121/NQ-HĐND 30/8/2021	74.500	74.500	3.870	
6	Văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao						
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nhà Văn hóa Thiếu nhi và Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh	Đông Hà		15.000	15.000	15.000	
-	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa Thể Thao Du lịch	Đông Hà		48.000	48.000	48.000	Bảo tàng tỉnh; Khu liên hợp thể thao tỉnh
-	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Cam Lộ	Cam Lộ		35.000	15.000	15.000	+NS huyện
-	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Đakrông	Đakrông		35.000	15.000	15.000	+NS huyện
	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		50.000	25.000	25.000	+NS huyện
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị sản xuất phát sóng phát thanh truyền hình tỉnh	TP Đông Hà		40.000	40.000	40.000	
8	Bảo vệ môi trường						
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Đầu tư xây dựng mở rộng các trạm quan trắc môi trường địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh		60.000	60.000	60.000	
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Lăng		15.000	10.000	10.000	+NS huyện
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Hải Lệ	Quảng Trị		15.000	10.000	10.000	+NS thị xã
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Hiếu, Cam Thành, Cam Tuyên	Cam Lộ		28.000	10.000	10.000	+SĐĐ
9	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Đổi ứng Chương trình MTQG nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Toàn tỉnh				30.000	+ SĐĐ
-	Nâng cấp hồ Khe Mương, huyện Hải Lăng	Hải Lăng		10.000	5.000	5.000	+NS huyện
10	Giao thông						
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSCĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSĐP
-	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.588.000	1.769.612	263.000	- Dự kiến tăng TMĐT 528 tỷ đồng; trong đó: Chi phí xây dựng tăng 126 tỷ đồng; Chi phí GPMB tăng 413 tỷ đồng; Chi phí dự phòng giảm 11 tỷ đồng - Phân tăng GPMB cân đối vốn Đất 150 tỷ
Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
-	Đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ Hải Đội 2 đến đường Đặng Dung); Đường Trần Hữu Dực (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Lợi), thành phố Đông Hà	Đông Hà		62.000	30.000	30.000	+NS thành phố
-	Các tuyến đường nội thị thị trấn Bến Quan; cầu Thượng Hòa xã Vĩnh Long và cầu Trường Kỳ xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		30.000	25.000	25.000	+NS huyện
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông		25.000	10.000	10.000	+SDD
11 Du lịch							
Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
-	Tuyến phố đi bộ kết hợp với chợ đêm khu vực Hồ trung tâm thị trấn Gio Linh; Tuyến phố đi bộ kết hợp với chợ đêm Cửa Việt	Gio Linh		30.000	25.000	25.000	+NS huyện, XHH
-	Cải tạo cảnh quan hồ Sắc Tứ thị trấn Ái Tử	Triệu Phong		15.000	5.000	5.000	+NS huyện
12 Công nghệ thông tin							
Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
-	Đầu tư các hạng mục hỗ trợ Hệ thống Trung tâm Giám sát Điều hành thông minh	Toàn tỉnh		20.000	20.000	20.000	
-	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Toàn tỉnh		6.000	6.000	6.000	
-	Đầu tư chuyển đổi số cho lĩnh vực kinh tế số	Toàn tỉnh		15.000	15.000	15.000	
-	Xây dựng đô thị thông minh thị xã Quảng Trị	Tx Quảng Trị		50.000	15.000	15.000	TB số 268/TB-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh
13 Quy hoạch					120.000		
14 Công trình công cộng tại các đô thị							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSCĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSDP
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>						
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.920	192.230	70.350	Đối ứng dự án ODA
15	Hỗ trợ doanh nghiệp					35.000	
16	Quản lý nhà nước						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Xây dựng mới, sửa chữa các trụ sở cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc	Đông Hà		100.000	100.000	100.000	Sở Y tế (Chi cục dân số, CC ATVSTP, ...); Sở NN-PTNT (BQL khu BTĐĐ Côn Cò, Chi cục kiểm lâm, Trạm trồng trọt BVTV); Sở Tài nguyên Môi trường (VP và các chi nhánh ĐKĐĐ), Sở Ngoại vụ (Trung tâm phục vụ Đối ngoại tỉnh); Sở Xây dựng, Sở KHĐT, Sở VH TTDL
-	Nâng cấp, cải tạo các trụ sở xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		334.000	334.000	115.000	+ NS huyện Phân kỳ đầu tư
-	Trụ sở trung tâm hành chính huyện Triệu Phong	Triệu Phong		80.000	20.000	20.000	+ NS huyện
-	Cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Hải Lăng	Hải Lăng		32.000	10.000	10.000	+ NS huyện
17	Xã hội						
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
-	Đầu tư, nâng cấp, tôn tạo các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh và Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần và Cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		110.000	110.000	110.000	
18	Khác						
-	Cơ sở hạ tầng và nhà ở cho dân Khu dân cư huyện đảo Côn Cò	Côn Cò		20.000	15.000	15.000	+NS huyện, XHH

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSCĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	NSĐP cân đối theo tiêu chí phân cấp cấp huyện					526.000	Tăng 1,3 lần giai đoạn 2021-2025
-	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành					50.000	
-	Dự phòng NSĐP					223.200	Bằng giai đoạn 2021-2025
-	Đối ứng các dự án ODA mới và chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại giai đoạn 2026-2030					494.169	Danh mục đối ứng biểu ODA Văn bản số 2526/STC-QLNS ngày 13/9/2024 của Sở Tài chính



Biểu số II.4

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN VỐN TỪ NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn SĐĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: SĐĐ		
TỔNG SỐ						6.000.000	
A	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ			7.183.504	5.091.201	3.200.000	
A.1	Nguồn thu đầu giá QSD đất ở tại TP Đông Hà do TTPTQĐ tỉnh thực hiện			4.938.096	4.074.901	2.200.000	
I	Dự phòng (5%)					110.000	
II	Phân bổ chi tiết (95%)			4.938.096	4.074.901	2.090.000	
II.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất					313.500	Bằng 15%
II.2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất			2.091.096	2.090.896	982.300	Bằng 47%
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>			-	-	-	
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	5.800	
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	34/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	546.680	546.680	277.000	
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cơ sở hạ tầng khu dân cư Thượng Nghĩa, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà (khu tái định cư)	Đông Hà		540	340	340	
-	Quy hoạch các điểm thuộc địa bàn huyện Gio Linh dọc theo tuyến Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị	Gio Linh		8.000	8.000	7.800	
-	Quy hoạch các điểm thuộc địa bàn huyện Triệu Phong dọc theo tuyến Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị	Triệu Phong		5.000	5.000	4.900	
Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
-	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá QSD đất để thực hiện dự án Khu dân cư thương mại phía Nam Công viên Cọ dầu	Đông Hà		7.000	7.000	7.000	
-	Đường An Dương Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà		85.000	85.000	85.000	
-	Trục đường trung tâm (63m) kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 với đường Xuyên Á và cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên tuyến đường	Đông Hà		300.000	300.000	300.000	
-	Cơ sở hạ tầng khu dân cư Thượng Nghĩa (phục vụ tái định cư)	Đông Hà		75.000	75.000	75.000	
-	Cơ sở hạ tầng khu dân cư phía Tây đường Thoại Ngọc Hầu (phục vụ tái định cư)	Đông Hà		170.000	170.000	140.000	Hoàn thành sau 2030
-	Cơ sở hạ tầng khung khu vực Gio Hải, huyện Gio Linh và khu vực huyện Triệu Phong (hai bên tuyến Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây)	Gio Linh Triệu Phong		450.000	450.000	79.460	Hoàn thành sau 2030
II.2	Bố trí các công trình phát triển KTXH			2.847.000	1.984.005	794.200	Bằng 38%
<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>							
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	33/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	20.000	16.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn SĐĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: SĐĐ		
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông	123/NQ-HĐND 30/8/2021	20.000	20.000	7.000	
-	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	Đakrông	32/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	80.000	75.000	58.807	Hoàn trả QPTĐ
-	Đường Trường Chinh nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Chí Thanh)	Đakrông				3.000	
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	Đakrông				109.500	Hoàn trả QPTĐ 70 tỷ
-	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.588.000	1.769.612	499.500	Phần tăng GPMB cân đối vốn NSCĐ 263 tỷ đồng
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên	Hương Hóa				8.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			-	-	-	
-	Hoàn thiện các tuyến đường Hoàng Diệu, Bà Triệu, Trường Chinh và một số nút giao thông trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà		30.000	20.000	20.000	+NS thành phố
-	Các tuyến đường nội thị thị trấn Cửa Tùng	Vĩnh Linh		30.000	25.000	25.000	+NS huyện
-	Cầu bến đò kết nối xã Hải Quy với xã Triệu Tài	HL, TP		30.000	20.000	20.000	+NS huyện
-	Nâng cấp các cầu yếu trên các tuyến đường tỉnh do Sở GTVT quản lý	VL, GL, HL, QT		34.000	23.393	23.393	
-	Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2027	Toàn tỉnh		15.000	15.000	15.000	
A.2	Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các dự án giao cho doanh nghiệp sử dụng			2.245.408	1.016.300	1.000.000	
I	Dự phòng (5%)					50.000	
II	Phân bổ chi tiết (95%)			2.245.408	1.016.300	950.000	
II.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất					142.500	Bằng 15%
A.2.2	Bố trí các công trình phát triển KTXH			2.245.408	1.016.300	807.500	Bằng 85%
-	Nâng cấp mở rộng bãi rác trung tâm huyện Triệu Phong	Triệu Phong	72/NQ-HĐND 27/8/2021 của huyện TP	10.000	9.000	9.000	
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận		129/NQ-HĐND 30/8/2021	8.418	8.000	8.000	
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.920	192.230	5.000	+NS thành phố
-	Công viên đường Hùng Vương	Đông Hà	125/NQ-HĐND 30/8/2021	24.000	24.000	24.000	
-	Đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã	Toàn tỉnh				17.780	
-	Trường Mầm non Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Linh	130/NQ-HĐND 19/12/2023	25.660	25.660	12.660	hoàn trả QPTĐ
-	Trường Tiểu học và THCS Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Linh	131/NQ-HĐND 19/12/2023	64.037	64.037	35.037	hoàn trả QPTĐ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn SĐĐ giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: SĐĐ
	Sân nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu khu vực TTCK quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đakrông	43/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	163.000	78.000	15.000	hoàn trả QPTĐ
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Nam Đông Hà và camera giám sát các điểm trung chuyên CTRSH	Toàn tỉnh		30.000	30.000	30.000	
-	Đầu tư 01 lò đốt cụm xã vùng sâu vùng xa (cụm phía Bắc huyện Hướng Hóa)	Hướng Hóa		9.500	9.500	9.500	
-	Hệ thống xử lý nước thải Chợ Khe Sanh, huyện Hướng Hóa và chợ Cam Lộ, huyện Cam Lộ	HH, CL		10.000	10.000	10.000	
-	Xử lý, đóng cửa bãi rác Khe Sanh và bãi rác Lao Báo	Hướng Hóa		16.000	15.000	15.000	+NS huyện
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Hiếu, Cam Thành, Cam Tuyên	Cam Lộ		28.000	10.000	10.000	+NSCĐ
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Ái Tử và Đông Ái Tử, huyện Triệu Phong	Triệu Phong		15.000	3.000	3.000	+NS huyện
	Kè chống sồi lở bờ sông thạch hân (đoạn từ cầu Thành cổ về khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn	Triệu Phong		15.000	7.000	7.000	+NS huyện
-	Hệ thống xử lý nước thải các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đông Hà	Đông Hà		28.000	15.000	10.000	+NS thành phố
-	Kè chống xói lở Sông Hiếu, đoạn qua Phường 3, Phường 4, thành phố Đông Hà	Đông Hà		30.000	25.000	25.000	+NS thành phố
-	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruồi thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông		31.000	15.000	15.000	+NS huyện
-	Nâng cấp, cải tạo hệ thống trạm bơm Mò Ó, xã Mò Ó	Đakrông		20.000	20.000	20.000	
-	Hỗ trợ HTX	Toàn tỉnh		19.694	19.694	19.694	
-	Đổi ứng Chương trình MTQG nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Toàn tỉnh		139.579	139.579	139.579	+ NSCĐ
-	Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung và phòng chống cháy rừng huyện Cam Lộ (giai đoạn 2)	Cam Lộ		30.000	20.000	20.000	+NS huyện
-	Nâng cấp đường huyện ĐH.46 và ĐH.42, huyện Triệu Phong	Triệu Phong		27.000	20.000	20.000	+NS huyện
-	Đường Đoàn Bá Thừa, thị trấn Lao Báo; Đường Hùng Vương cũ (đoạn từ cống thoát nước đến hết khu dân cư) thị trấn Khe Sanh; nút giao đường Hùng Vương với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; nút giao đường vào bãi rác huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		20.000	15.000	15.000	+NS huyện
-	Nâng cấp đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Gio Linh và đường kết nối xã Gio An đi xã Linh Trường	Gio Linh		40.000	30.000	30.000	+NS huyện
-	Tuyến phố đêm tại khu vực Quảng trường Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh Quảng Trị	Đông Hà		3.000	3.000	3.000	
-	Tuyến phố đi bộ kết hợp chợ đêm khu vực đường Đại Cô Việt và Vincom Royal Park	Đông Hà		17.000	10.000	10.000	+NS thành phố
-	Tuyến phố đi bộ đường Ngô Quyền và hạ tầng khai thác Lễ hội đêm hoa đăng, du lịch trên sông; Đường giao thông xung quanh Nhà văn hóa trung tâm, bãi đỗ xe du lịch	Quảng Trị		45.000	30.000	30.000	+NS thị xã

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn SDD giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: SDD
-	Tuyến phố đi bộ tại thị trấn Hồ Xá huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		15.000	5.000	5.000	+NS huyện
-	Tuyến đường đi bộ gắn với loại hình dịch vụ chợ đêm về mua sắm - ẩm thực, huyện Hải Lăng	Hải Lăng		12.000	10.000	10.000	+NS huyện
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông		25.000	10.000	10.000	+NS huyện
-	Chợ trung tâm huyện Đakrông; Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa + hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Đakrông		6.000	5.000	5.000	+NS huyện
-	Mô hình chợ đêm và các hoạt động thương mại dịch vụ tại khu vực công viên văn hóa trung tâm thị trấn Lao Bảo và chợ phiên vùng cao, biên giới	Hương Hóa		12.000	5.000	5.000	+NS huyện
-	Via hè và ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Trần Hưng Đạo và đường Nguyễn Trãi	Đông Hà		50.000	40.000	40.000	+NS thành phố
-	Via hè Quốc lộ 9 (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Chợ phường 4) và đường Lê Lợi, thành phố Đông Hà	Đông Hà		45.000	35.000	35.000	+NS thành phố
-	Vườn hoa trước trường chuyên Lê Quý Đôn và đoạn đường Lương Thế Vinh nối với Đường Đặng Trần Côn, thành phố Đông Hà	Đông Hà		3.600	3.600	3.600	
-	Tuyến đường kết nối phía Bắc cảng Mỹ Thủy thuộc Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.	Hải Lăng		55.000	55.000	50.000	
-	Đổi ứng các dự án ODA mới và chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại giai đoạn 2026-2030					75.650	Danh mục đối ứng biểu ODA Văn bản số 2526/STC-QLNS ngày 13/9/2024 của Sở Tài chính
B	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					2.800.000	
1	Thành phố Đông Hà					1.000.000	
2	Thị xã Quảng Trị					150.000	
3	Huyện Hải Lăng					310.000	
4	Huyện Triệu Phong					125.000	
5	Huyện Vĩnh Linh					500.000	
6	Huyện Gio Linh					140.000	
7	Huyện Cam Lộ					425.000	
8	Huyện Hương Hóa					100.000	
9	Huyện Đakrông					50.000	



Biểu số II.5
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn XSKT giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSTW		
TỔNG SỐ					535.000	480.000	250.000	
I	Y tế				200.000	200.000	160.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>							
-	Dự án đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị cho các đơn vị y tế tuyến tỉnh và tuyến cơ sở (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	Cải tạo, nâng cấp, xây mới		100.000	100.000	100.000	
-	Dự án đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị cho các đơn vị y tế tuyến tỉnh và tuyến cơ sở (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	Cải tạo, nâng cấp, xây mới		100.000	100.000	60.000	
II	Giáo dục và Đào tạo				335.000	280.000	90.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>							
-	Đầu tư cơ sở vật chất trường cao đẳng kỹ thuật tỉnh	Đông Hà	Cải tạo, nâng cấp, xây mới		20.000	20.000	20.000	
-	Đầu tư cơ sở vật chất trường cao Y tế	Đông Hà	Cải tạo, nâng cấp, xây mới		10.000	10.000	20.000	
-	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng sư phạm	Đông Hà			5.000	5.000	5.000	
-	Đầu tư cơ sở vật chất trường THSC, tiểu học và mầm non cấp huyện	09 huyện, Tp, Tx	Cải tạo, nâng cấp, xây mới		300.000	245.000	45.000	+NSCĐ 200 tỷ

Biểu số 1/6
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HẠN GIỚI ĐOẠN 2026 - 2030 CÁC DỰ ÁN ODA, VAY YU DAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HIT	Nhà tài trợ	Số quyết định, nghị định, năm tháng, năm	Quyết định đầu tư hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh				Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2026-2030							
					TMDĐT		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:					
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
					NSTW	NSDP	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số				
	TỔNG SỐ				862.405	533.270	329.135	3.050.184	2.227.525	822.659	698.499	253.266	178.000	75.266	488.233	2.348.431	609.139	345.270	207.199	1.739.292
A	CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN (chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030)				433.535	225.400	208.135	1.723.379	1.168.900	554.479	698.499	253.266	178.000	75.266	488.233	860.936	180.269	47.400	76.199	680.667
I	Công trình công cộng tại đô thị																			
-	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	2024-2027	AFD	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	192.230	0	192.230	960.690	684.730	275.960	228.138	65.210	0	65.210	205.928	605.822	127.020	0	70.350	478.802
2	Giao thông																			
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), dự án thành phần tỉnh Quảng Trị	2022-2027	ADB	Quyết định: số 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021, số 7777/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	225.400	225.400	0	696.298	417.779	278.519	420.360	178.000	178.000	0	242.360	222.819	47.400	47.400	0	175.419
3	Bảo vệ môi trường																			



TT	Đanh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh				Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2026-2030						
						TMDT		Trong đó:		TMDT		Trong đó:		TMDT		Trong đó:				
						Tổng số	Vốn đối ứng		Tổng số	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Vốn đối ứng		Tổng số	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng	
							NSTW	NSDP		Quy đổi ra tiền Việt	Trong đó: Cấp phát từ NSTW		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
	Dự án Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bao vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị	Hạng 1: Nâng cao kỹ năng phân loại rác tại nguồn; Xây dựng mô hình và triển khai phân loại rác sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện Gio Linh và huyện Vĩnh Linh Hạng mục 2: Xây dựng nhà xưởng phân loại rác tại khu vực xử lý Hạng mục 3: Xây dựng khu vực sản xuất phân bón vi sinh từ chất thải hữu cơ Hạng mục 4: Lắp đặt lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 1.500kg/h Hạng mục 5: Xây dựng ô chôn lấp rác thải sinh hoạt không xử lý được bằng phương pháp đốt và tro xỉ sau quá trình đốt Hạng mục 6: Hạng mục phụ trợ khác	2024-2026	Italia	Công thư ngày 02/02/2024 của Văn phòng Hợp tác Phát triển Italia (AICS) tại Hà Nội; ấn bản số 1030/BKHDT-KTBN ngày 06/02/2024 của Bộ Kế hoạch và đầu tư	45.000	8.426	8.426	36.574	36.574	27.001	5.056	5.056	21.945	3.370	3.370	17.999	3.370	14.629	
4	Cấp nước, thoát nước	Hạng mục 1: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch 02 xã Cam Chính - Cam Nghĩa Hạng mục 2: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch xã Cam Thuận Hạng mục 3: Chương trình quản lý tài nguyên nước	2024-2026	Italia	Công thư ngày 02/02/2024 của Văn phòng Hợp tác Phát triển Italia (AICS) tại Hà Nội; ấn bản số 1030/BKHDT-KTBN ngày 06/02/2024 của Bộ Kế hoạch và đầu tư	37.296	7.479	7.479	29.817	29.817	23.000	5.000	5.000	18.000	2.479	2.479	14.296	2.479	11.817	
B	CÁC DỰ ÁN ĐANG ĐỀ XUẤT VẠN ĐỘNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 (khu công mới giai đoạn 2026-2030)	Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và chống với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị	2026-2030	WB	Văn bản số 5533/UBND-NN ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh	1.755.675	307.870	121.000	1.326.805	1.058.625	268.180	0	0	0	297.870	428.870	131.000	1.058.625	431.400	
1	Cấp nước, thoát nước	Hợp phần 1: Nâng cao khả năng tiếp cận cấp nước nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu (Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Nam Hải Lăng; Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Triệu Phong; Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Tây Gio Linh; Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch liên xã Lâm Sơn, Thủy Long, huyện Vĩnh Linh); Hợp phần 2: Cải thiện vệ sinh môi trường; Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hiện dự án	2026-2030	WB	Văn bản số 5533/UBND-NN ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh	694.400	78.100	0	616.300	431.400	184.900	0	0	0	78.100	78.100	509.500	78.100	431.400	
2	Bảo vệ môi trường	Xây dựng riêng và đồng bộ mới mạng lưới công thu gom nước thải cấp 3 bằng ống nhựa HDPE D160 + D200mm có tổng chiều dài là 120,57 km. Xây dựng các tuyến đường ống truyền tải nước thải cấp 1, cấp 2 bằng ống nhựa HDPE D200 + D600mm, với tổng chiều dài là 68,15 km. Xây dựng một trạm xử lý nước sinh hoạt tập trung công suất 5.000 m ³ /ngày/đêm.	2026-2030	Hà Lan	Chương trình Drive của Hà Lan; Văn bản số 180/UBND-BQLDA ngày 26/7/2024	500.000	150.000	100.000	250.000	250.000	0	0	0	150.000	250.000	100.000	500.000	150.000	250.000	

Biểu số II.7

DỰ KIẾN VỐN CHUÔNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án/Tiểu DA thành phần	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP		Tổng số	
			Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng số		
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	979.000	890.000	890.000	89.000	89.000		
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH	187.000	170.000	170.000	17.000	17.000		
2	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết	110.000	100.000	100.000	10.000	10.000		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc	440.000	400.000	400.000	40.000	40.000		
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ưu tiên các xã, thôn ĐBK, gồm: huyện Hướng Hóa có 14 xã và 11 thôn; huyện Đakrông có 11 xã và 02 thôn; huyện Cam Lộ có 01 thôn; huyện Gio Linh có 01 xã; huyện Vĩnh Linh có 02 xã và 02 thôn)	440.000	400.000	400.000	40.000	40.000		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	110.000	100.000	100.000	10.000	10.000		
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	110.000	100.000	100.000	10.000	10.000		



Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030									
TT	Dự án/Tiểu DA thành phần	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP		Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT Vốn SN	Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT Vốn SN			
5	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	110.000	100.000		10.000				
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình	22.000	20.000		2.000				
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	22.000	20.000		2.000				
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	478.500	435.000		43.500				
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	368.500	335.000		33.500				
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	368.500	335.000		33.500				
+	<i>Huyện nghèo</i>	302.500	275.000		27.500				
+	<i>huyện đảo Côn Cỏ</i>	66.000	60.000		6.000				
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	110.000	100.000		10.000				
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	93.500	85.000		8.500				
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	16.500	15.000		1.500				

TT	Dự án/Tiểu DA thành phần	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP		Tổng số	
			Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng số		
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	1.038.936	519.468	519.468	519.468	519.468	519.468	NSDP đối ứng theo tỷ lệ 1:1, trong đó Sở TC cân đối bố trí 350 tỷ